

BỘ XÂY DỰNG
Số: 19/2003/QĐ-BXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 3 tháng 7 năm 2003

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định điều kiện năng lực hoạt động xây dựng

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 36/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo các Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999, Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000, Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30/01/2003 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Xây lắp và Vụ trưởng Vụ Pháp chế.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định điều kiện năng lực hoạt động xây dựng.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo và được áp dụng thống nhất trong cả nước.

Điều 3: Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của các Đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các doanh nghiệp, chủ đầu tư dự án, các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Quân

QUY ĐỊNH

ĐIỀU KIỆN NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 19/2003/QĐ-BXD ngày 03 tháng 7 năm 2003 của
Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Chương 1:

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi và đối tượng áp dụng

Quy định này quy định điều kiện năng lực đối với tổ chức, cá nhân khi hoạt động xây dựng bao gồm tư vấn đầu tư xây dựng, thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện và các công trình xây dựng khác trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 2: Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Hoạt động xây dựng** là hoạt động thực hiện các công việc tư vấn đầu tư xây dựng, thi công xây lắp các loại công trình.
- Tư vấn đầu tư xây dựng** bao gồm:
 - Lập dự án đầu tư xây dựng (Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo đầu tư),
 - Quản lý dự án đầu tư xây dựng,
 - Khảo sát xây dựng,

- d- Thiết kế công trình,
- e- Giám sát thi công xây lắp,
- g- Kiểm định chất lượng xây dựng,
- h- Các tư vấn xây dựng khác.

3. *Thi công xây lắp công trình* bao gồm xây dựng và lắp đặt thiết bị các công trình xây dựng mới; cải tạo, trùng tu, bảo trì các công trình xây dựng.

4. *Chủ nhiệm lập dự án* là người trực tiếp tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng, chịu trách nhiệm cao nhất về nội dung, chất lượng của dự án.

5. *Chủ trì khảo sát xây dựng* là người trực tiếp tổ chức thực hiện nhiệm vụ khảo sát xây dựng, chịu trách nhiệm cao nhất về kết quả thực hiện nhiệm vụ khảo sát.

6. *Chủ nhiệm đồ án thiết kế* là người trực tiếp tổ chức thực hiện nhiệm vụ thiết kế công trình, chịu trách nhiệm cao nhất về nội dung và chất lượng của đồ án thiết kế.

7. *Chủ trì thiết kế* là người trực tiếp tổ chức và thực hiện một lĩnh vực chuyên môn của đồ án thiết kế theo sự chỉ đạo của chủ nhiệm đồ án thiết kế, chịu trách nhiệm về nội dung và chất lượng của lĩnh vực chuyên môn đó.

8. *Kỹ sư giám sát trưởng* là người đại diện cho chủ đầu tư (hoặc ban quản lý dự án) trực tiếp tổ chức thực hiện công tác giám sát thi công xây lắp công trình, chịu trách nhiệm về chất lượng xây lắp công trình do mình giám sát.

9. *Kỹ sư giám sát chuyên ngành* là người trực tiếp tổ chức và thực hiện công tác giám sát một lĩnh vực chuyên ngành theo sự chỉ đạo của kỹ sư giám sát trưởng, chịu trách nhiệm về chất lượng xây lắp công trình thuộc chuyên ngành do mình giám sát.

10. *Chủ trì kiểm định* là người trực tiếp tổ chức thực hiện công tác kiểm định chất lượng xây dựng, chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm của công tác kiểm định.

11. *Chỉ huy trưởng thi công* là người đại diện cho nhà thầu thi công xây lắp thực hiện quyền và nghĩa vụ của nhà thầu tại công trường, trực tiếp chỉ huy và chịu trách nhiệm về thi công xây lắp công trình.

12. *Thầu chính* là nhà thầu trực tiếp ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nhận thầu thực hiện công việc chính của công trình. Thầu chính có thể là: thầu chính thiết kế, thầu chính cung cấp thiết bị công nghệ, thầu chính xây lắp.

13. *Thầu phụ* là nhà thầu ký kết hợp đồng với thầu chính hoặc tổng thầu nhận thầu thực hiện một phần công việc của thầu chính hoặc tổng thầu.

14. *Tổng thầu* là nhà thầu ký kết hợp đồng trực tiếp với chủ đầu tư nhận thầu toàn bộ một công việc hoặc toàn bộ các công việc của dự án đầu tư xây dựng công trình.

Tổng thầu có những hình thức chủ yếu sau:

a- Tổng thầu thiết kế;

b- Tổng thầu xây lắp;

c- Tổng thầu thiết kế và xây lắp;

d- Tổng thầu thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và xây lắp (tổng thầu EPC);

e- Tổng thầu lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và xây lắp (tổng thầu chìa khoá trao tay).

Điều 3: Nguyên tắc đảm bảo điều kiện năng lực hoạt động xây dựng

1. Tổ chức, cá nhân khi hoạt động xây dựng chỉ được thực hiện các công việc phù hợp với năng lực của mình theo Quy định này.

2. Cá nhân tham gia hoạt động xây dựng phải có chuyên môn, nghiệp vụ, sức khỏe phù hợp với công việc đảm nhận; có đạo đức nghề nghiệp; am hiểu những quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

3. Người có thẩm quyền giao nhiệm vụ cho cá nhân đảm nhận các chức danh trong hoạt động xây dựng dưới đây phải tuân thủ các quy định về điều kiện năng lực tại Quy định này, đảm bảo đủ thời gian để các cá nhân đó có điều kiện thực hiện theo chức danh đảm nhận và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình: Chủ nhiệm lập dự án; phụ trách lĩnh vực chuyên môn của dự án; trưởng ban, phó ban (hoặc giám đốc, phó giám đốc) ban quản lý dự án; phụ trách lĩnh vực chuyên môn của ban quản lý dự án; chủ trì khảo sát xây dựng; chủ nhiệm đồ án thiết kế; chủ trì thiết kế; kỹ sư giám sát trưởng; kỹ sư giám sát chuyên ngành; chủ trì kiểm định; chỉ huy trưởng thi công; phụ trách kỹ thuật thi công.

4. Một người không được đảm nhận đồng thời quá 2 chức danh và thực hiện đồng thời quá 2 công việc theo 1 chức danh nêu tại khoản 3 Điều này. Người đảm nhận

các chức danh nêu trên không được giao lại cho người khác thay mình đảm nhận chức danh đó.

5. Chủ đầu tư hoặc bên giao thầu, nhà tư vấn khi lựa chọn nhà thầu để thực hiện các công việc trong hoạt động xây dựng và khi thành lập ban quản lý để thực hiện dự án đầu tư xây dựng phải đảm bảo các điều kiện năng lực theo Quy định này.

6. Người thẩm tra, thẩm định và nghiệm thu các sản phẩm tư vấn đầu tư xây dựng phải xem xét về điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân làm ra sản phẩm đó; trường hợp không đảm bảo điều kiện năng lực theo Quy định này thì được quyền không xem xét hoặc không nghiệm thu.

Điều 4: Loại và nhóm dự án, loại và cấp công trình

1. Loại và nhóm dự án đầu tư xây dựng trong Quy định này theo quy định tại Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ.

2. Loại và cấp công trình được áp dụng trong Quy định này theo quy định trong Quy chuẩn xây dựng, Tiêu chuẩn xây dựng, Tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành.

Riêng các công trình nhà chung cư, công trình công cộng, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng, công trình cấp thoát nước nêu tại Phụ lục số 1 của Quy định này được quy định tạm thời để làm căn cứ cho việc xác định năng lực trong hoạt động xây dựng.

Chương 2:

ĐIỀU KIỆN NĂNG LỰC CỦA TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Tổ chức khi nhận thầu tư vấn đầu tư xây dựng phải đáp ứng các điều kiện chung quy định tại Điều 5 và các điều kiện riêng quy định đối với từng lĩnh vực tư vấn đầu tư xây dựng nêu tại các Điều 6, 7, 8, 9, 10, 11 của Chương này.

Trường hợp chủ đầu tư tự thực hiện một số lĩnh vực thuộc hoạt động tư vấn đầu tư xây dựng phải đảm bảo điều kiện năng lực theo Quy định này.

Điều 5: Điều kiện chung